

### V-O-1.3

## ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, THẠCH HỌC-KHOÁNG VẬT, THẠCH ĐỊA HÓA CÁC THÀNH TẠO MAGMA CỦA TỔ HỢP OPHIOLIT KONTUM

*Huỳnh Trung, Đinh Quốc Tuấn*

Khoa Địa chất, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên-ĐHQG Tp. HCM

### Tóm tắt

Tổ hợp (thành hệ) ophiolit Kon Tum đã được xác lập và mô tả khái quát (Huỳnh Trung và nnk, 2008, 2009). Mặt cắt của tổ hợp ophiolit Kon Tum từ dưới lên gồm: các thành tạo secpentinit (apodunit...) phức hệ Hiệp Đức, tiếp dần lên là các thành tạo magma xâm nhập pyroxenit, gabro phức hệ Ngọc Hồi và trên cùng là các thành tạo magma phun trào chủ yếu là bazan loạt toleit bị biến đổi (biến chất) với nhiều mức độ khác nhau thành tạo các đá pofiritoit, đá phiến lục có thành phần hóa học là spilit và các đá phun trào axit bị biến đổi mạnh mẽ thành tạo các đá pofiroit có thành phần hóa học thuộc nhóm Keratofir (anbitofir, octofir). So sánh với mặt cắt ophiolit điển hình thế giới (Popov. V.S, Bagachicov. O.A, 2001) thì tổ hợp ophiolit KonTum chưa phát hiện các thành tạo đai mạch song song.

Tuổi của ophiolit KonTum có tuổi Paleozoi sớm (PZ<sub>1</sub>) và đối sánh với tổ hợp ophiolit kiểu alpi (alpinotip). Các thành tạo secpentinit Hiệp Đức có đặc điểm thạch địa hóa tương đồng với vật liệu manti (vỏ đại dương) và được ép trôi lên (trôi nguội) ở trạng thái cứng dọc theo đới tách giãn (rift) Trường Sơn để hình thành bồn đại dương Paleozoi sớm (Hệ tầng Núi Vú..). Tuy nhiên, trong phạm vi phổ biến các thành tạo magma phun trào đó thường gặp các thể thấu kính secpentinit Hiệp Đức và các đá siêu mafit, mafit phức hệ Ngọc Hồi. Chúng có các nguyên tố vi lượng đặc trưng với hàm lượng (ppm): Cr =401-273(18), Co=14-40, Ni=19-47(113), V=172-159; Sr=72-116(431). Trong các đá porfiritoit thì Cr =48-87,6(19,7), Co=7-12, Ni=8,1-13,4(211), V=25,8-34,6; Sr=95,6-386,2; trong các đá phiến lục (spilit) thì Cr=14-43,8; Co=9,9-43,7 (4,7), Ni=40-125,5, V=30,2-38,2; Sr=55,8-171,2 (220,0).

## THE GEOLOGICAL, PETROGRAPHICAL, MINERALOGICAL AND PETRO-GEOCHEMICAL FEATURES OF THE VOLCANIC MAGMATISM IN THE NORTH-WEST QUANG NAM PROVINCE

*Huynh Trung, Dinh Quoc Tuan*

Faculty of Geology – University of Science – VNU HCMC

### Abstract

The Kon Tum ophiolite assemblage (formation) has been established and studied (Huynh Trung và nnk, 2008, 2009). The ophiolite sequence (from bottom): serpentinite (apodunite...) of Hiep Duc complex; pyroxenite, gabbro of Ngoc Hoi complex and the altered basalts. The top on sequence is altered tholeiitic basalts (metamorphic process) such as porphyritoid, green schist, which are correlated the spilite and acid volcanics of keratophyr formations (albitophyre, orthophyre). The Kon Tum ophiolite is not confirmed parallel dykes comparing of typical ophiolitic sequence in the world (Popov. V.S, Bagachicov. O.A, 2001).

The age of Kon Tum ophiolite is early Palaeozoic, which is correlated the alpi-type (alpinotip) of ophiolite assemblage. The serpentinite of Hiep Duc complex is composed of mantle materials (oceanic crust) and the emplacement of thrust sheets (rift) in Truong Son fold belt, which is forming oceanic basin (Nui Vu formation). However, the volcanic formation is often exposed the serpetinite lenses of Hiep Duc complex and mafic – ultramafic of Ngoc Hoi complex. Their trace elements contain (ppm): Cr =401-273(18), Co=14-40, Ni=19-47(113), V=172-159; Sr=72-116(431). The spilite (green schict): Cr =48-87,6(19,7), Co=7-12, Ni=8,1-13,4(211), V=25,8-34,6; Sr=95,6-386,2; trong các đá phiến lục (spilit) thì Cr=14-43,8; Co=9,9-43,7 (4,7), Ni=40-125,5, V=30,2-38,2; Sr=55,8-171,2 (220,0)